

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022

Khoa: Nhiệt - Lạnh

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)	
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu			
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Cao đẳng															
Ngành: Lắp đặt thiết bị lạnh															
1	19C1-LĐL1	20		11	55,00	9	45,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00		
2	20C1-LĐL1	16		0	0,00	1	6,25	4	25,00	9	56,25	2	12,50		
3	20C2-LĐL1	20		0	0,00	0	0,00	4	20,00	15	75,00	1	5,00		
CỘNG 03 Lớp		56	0	11	19,64	10	17,86	8	14,29	24	42,86	3	5,36	0	
Ngành: KT máy lạnh và Điều hòa không khí															
1	19C1-KML1	42		10	23,81	32	76,19	0	0,00	0	0,00	0	0,00		
2	19C1-KML2	25	1	15	60,00	10	40,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00		
3	20C1-KML1	22		1	4,55	0	0,00	1	4,55	20	90,91	0	0,00		
4	20C1-KML2	21		0	0,00	0	0,00	0	0,00	21	100,00	0	0,00		
5	21C1-KML1	53	1	0	0,00	4	7,55	12	22,64	36	67,92	1	1,89		
CỘNG 05 Lớp		163	2	26	15,95	46	28,22	13	7,98	77	47,24	1	0,61	0	
Ngành: Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh															
1	19C1-VSL1	42		27	64,29	13	30,95	0	0,00	2	4,76	0	0,00		
2	19C1-VSL2	25		22	88,00	3	12,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00		
3	20C1-VSL1	25		0	0,00	0	0,00	5	20,00	20	80,00	0	0,00		
4	20C1-VSL2	21		0	0,00	0	0,00	4	19,05	17	80,95	0	0,00		
5	21C1-VSL1	43	1	0	0,00	1	2,33	7	16,28	31	72,09	4	9,30		
CỘNG 05 Lớp		156	1	49	31,41	17	10,90	16	10,26	70	44,87	4	2,56	0	

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Công nghệ kỹ thuật nhiệt														
1	19C1-CNL1	36		27	75,00	7	19,44	0	0,00	2	5,56	0	0,00	
2	20C1-CNL1	39		0	0,00	2	5,13	7	17,95	30	76,92	0	0,00	
3	20C1-CNL2	37		1	2,70	1	2,70	8	21,62	27	72,97	0	0,00	
4	21C1-CNL1	49		3	6,12	6	12,24	12	24,49	26	53,06	2	4,08	
5	20C2-CNL1	15		0	0,00	2	13,33	6	40,00	6	40,00	1	6,67	
CỘNG 05 Lớp		176	0	31	17,61	18	10,23	33	18,75	91	51,70	3	1,70	0
Trung cấp														
Ngành: Lắp đặt thiết bị lạnh														
1	19T4-LĐL1	34		0	0,00	6	17,65	15	44,12	13	38,24	0	0,00	
2	20T4-LĐL1	27		2	7,41	5	18,52	1	3,70	15	55,56	4	14,81	
CỘNG 02 Lớp		61	0	2	3,28	11	18,03	16	26,23	28	45,90	4	6,56	0
Ngành: Công nghệ kỹ thuật nhiệt														
1	20T4-CNL1	21		4	19,05	5	23,81	3	14,29	5	23,81	4	19,05	
CỘNG 01 Lớp		21	0	4	19,05	5	23,81	3	14,29	5	23,81	4	19,05	0
Ngành: KT máy lạnh và điều hòa không khí														
1	19T4-KML1	34		0	0,00	4	11,76	15	44,12	15	44,12	0	0,00	
2	20T4-KML1	47		5	10,64	12	25,53	6	12,77	19	40,43	5	10,64	
3	21T4-KML1	33		0	0,00	4	12,12	3	9,09	23	69,70	3	9,09	
4	21T4-KML2	33		1	3,03	3	9,09	5	15,15	18	54,55	6	18,18	
CỘNG 04 Lớp		147	0	6	4,08	23	15,65	29	19,73	75	51,02	14	9,52	0
Ngành: Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh														
1	19T4-VSL1	22		1	4,55	5	22,73	7	31,82	9	40,91	0	0,00	
2	19T4-VSL2	22		0	0,00	1	4,55	5	22,73	16	72,73	0	0,00	

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
3	20T4-VSL1	32		1	3,13	3	9,38	6	18,75	16	50,00	6	18,75	
4	20T4-VSL2	31		1	3,23	3	9,68	9	29,03	14	45,16	4	12,90	
5	21T4-VSL1	30		1	3,33	3	10,00	5	16,67	16	53,33	5	16,67	
6	21T4-VSL2	34		1	2,94	3	8,82	5	14,71	22	64,71	3	8,82	
CỘNG 06 Lớp		171	0	5	2,92	18	10,53	37	21,64	93	54,39	18	10,53	0
31	TỔNG CỘNG (31 LỚP)	951	3	134	14,09	148	15,56	155	16,30	463	48,69	51	5,36	0

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG TTGD - CTSV

(Signature)

Lê Xuân Thiện

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh

- Từ XS, Tốt, Khá trở lên	437	45,95	- Từ TB trở lên	900	94,64
- Trung bình	463	48,69	- Yếu	51	5,36
- Yếu	51	5,36			